TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN BÌNH THẠNH** THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 286/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 21/3/2025
V/v Ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN BÌNH THẠNH, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Vương Thị Lan Phương

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Hữu Luân

2. Bà Lâm Thị Hoàng Oanh

- Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Trịnh Thị Thu Hà là Thư ký Tòa án nhân dân quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Bình Thạnh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Minh Huyền – Kiểm sát viên

Ngày 21/3/2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 1651/2024/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 8 năm 2024 về việc "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 12/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 05/02/2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 31/2025/QĐST-HNGĐ ngày 27/02/2025, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Bùi T, sinh năm 1985

HKTT: Thôn C, xã T, huyện P, tỉnh Đ; tạm trú: Đường B, Phường 13, quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bị đơn: Ông Phan D, sinh năm 1977

HKTT: Thôn C, xã T, huyện P, tỉnh Đ; tạm trú: Đường B, Phường 13, quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN

[1] Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và các biên bản tại Tòa án, nguyên đơn là bà Bùi T trình bày: Bà và ông Phan D có tự nguyện chung sống và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Cát Tài, huyện Phù Cát, tỉnh Bình Định vào năm 2007. Vợ chồng chung sống hạnh phúc khoảng 13 năm. Từ năm 2021 cho đến nay không còn hạnh phúc nguyên nhân là do không còn sự quan tâm, động viên, chăm sóc lẫn nhau, việc ai người nấy làm. Vợ chồng đã sống ly thân từ thân từ tháng 06/2024 đến nay. Nay bà thấy tình cảm vợ chồng đã hết không có khả năng hàn gắn, đoàn tụ nên bà yêu cầu được ly hôn với ông Phan D.

Về con chung: Bà và ông D có 01 con chung tên Phan B, sinh ngày

11/01/2008, bà yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu ông D cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Bà khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết

Về nợ chung: Bà khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[2] Toà án nhân dân quận Bình Thạnh đã triệu tập hợp lệ bị đơn là ông Phan D đến Tòa án để giải quyết vụ kiện nhưng bị đơn vắng mặt không lý do, không nộp cho Tòa án văn bản ghi ý kiến đối với yêu cầu của nguyên đơn.

[3] Tại phiên tòa:

Nguyên đơn vẫn giữ yêu cầu khởi kiện.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Bình Thạnh tham gia phiên tòa phát biểu: Về việc tuân theo pháp luật tố tụng kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, ngoại trừ việc vi phạm thời hạn ngoại trừ việc vi phạm thời hạn giải quyết vụ án, Thẩm phán đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng về quan hệ tranh chấp, thẩm quyền giải quyết, tư cách tham gia tố tụng của các đương sự, cấp, tống đạt, thông báo các văn bản tố tụng cho đương sự và Viện kiểm sát, tổ chức phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ. Về việc tuân theo pháp luật tố tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, nguyên đơn đã thực hiện các quyền và nghĩa vụ theo đúng quy định tại các Điều 70, 71 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn chưa thực hiện đầy đủ các quyền, nghĩa vụ theo đúng quy định tại các Điều 70, Điều 72 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, đây là tranh chấp về việc ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Về thủ tục tố tụng:

Bị đơn là ông Phan D đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ 2 nhưng vắng mặt. Căn cứ Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[3] Về các yêu cầu của đương sự:

Xét yêu cầu ly hôn của nguyên đơn, Hội đồng xét xử thấy: Căn cứ giấy chứng nhận kết hôn số 64 quyển số 01 ngày 20/8/2007 do Ủy ban nhân dân xã C, huyện P, tỉnh B cấp, có cơ sở xác định quan hệ hôn nhân giữa bà Bùi T và ông Phan D là hợp pháp.

Nguyên đơn trình bày, trong cuộc sống hôn nhân, vợ chồng không còn sự quan tâm, động viên, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau. Mặc dù sống chung nhà nhưng việc ai người nấy làm, vợ chồng ly thân từ tháng 6/2024 cho đến nay.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn là ông Phan D đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng không đến Tòa án để tham gia hòa giải, qua đó cho thấy bị đơn không quan tâm đến quan hệ hôn nhân, không có hành động tích cực để hàn gắn gia đình.

Xét, hôn nhân là sự tự nguyện từ hai phía, vợ chồng phải có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình, tạo điều kiện cho nhau phát triển với mong muốn xây dựng hạnh phúc thì mục đích hôn nhân mới đạt được.

Tại phiên tòa, nguyên đơn vẫn giữ yêu cầu ly hôn, qua đó cho thấy mâu thuẫn giữa các bên đã trầm trọng, không còn tình nghĩa vợ chồng, đời sống chung không thể kéo dài nên yêu cầu ly hôn của nguyên đơn có cơ sở chấp nhận.

Về con chung: Nguyên đơn và bị đơn có 01 con chung tên Phan B, sinh ngày 11/01/2008. Xét yêu cầu của nguyên đơn về việc được trực tiếp nuôi dưỡng con chung, Hội đồng xét xử thấy, tại bản tự khai ngày 19/9/2024, trẻ Duy có nguyện vọng được ở với mẹ, do đó, để đảm bảo quyền lợi mọi mặt của trẻ, yêu cầu này của nguyên đơn là có căn cứ nên được chấp nhận.

Về cấp dưỡng nuôi con: Nguyên đơn không yêu cầu bị đơn cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Nguyên đơn khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: 300.000 đồng, nguyên đơn phải chịu.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Điều 26 Luật Thi hành án dân sự;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử

1. Về quan hệ vợ chồng: Bà Bùi T được ly hôn với ông Phan D.

2. Về con chung: Giao con chung tên Phan B, sinh ngày 11/01/2008 cho bà Bùi T trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục.

Về cấp dưỡng nuôi con: Bà Bùi T không yêu cầu ông Phan D cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Vì quyền lợi của trẻ, khi có căn cứ, một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

Thi hành tại Cơ quan thi hành án có thẩm quyền.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Nguyên đơn khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: 300.000 đồng, bà Bùi T phải chịu nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng đã nộp theo biên lai thu số 0028942 ngày 21/8/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh.

5. Về quyền kháng cáo: Bà Bùi T được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Ông Phan D được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

6. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND TP.Hồ Chí Minh;
- VKSND Q.Bình Thạnh ;
- Chi cục THADS Q.Bình Thạnh;
- UBND xã C, huyện P, tỉnh B;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Vương Thị Lan Phương